|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **HUYỆN ĐẮK MIL**  Số: /BC-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Đắk Mil, ngày tháng 6 năm 2023* |

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính phục vụ Đoàn kiểm tra**

**liên ngành công tác CCHC của UBND tỉnh năm 2023**

Kính gửi: Sở Nội vụ *(Cơ quan thường trực Đoàn kiểm tra số 346 - UBND tỉnh).*

Thực hiện Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 29/3/2023 của Đoàn kiểm tra số 346 - UBND tỉnh về việc kiểm tra liên ngành công tác cải cách hành chính năm 2023.

Ủy ban nhân dân huyện Đắk Mil báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính phục vụ Đoàn kiểm tra liên ngành công tác CCHC của UBND tỉnh năm 2023, với những nội dung sau:

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

**1. Ban hành văn bản triển khai thực hiện**

Trên cơ sởQuyết định số 2248/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Đắk Nông năm 2023, Ủy ban nhân dân huyện Đắk Mil đã ban hành Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 về Kế hoạch Cải cách hành chính năm 2023, gồm 7 nội dung với 39 nhiệm vụ trọng tâm được giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện; kết quả, trong 06 tháng đầu năm đã thực hiện được 22/39 nội dung đạt 56,4% kế hoạch.

Bên cạnh đó, UBND huyện đã tham mưu Ban Thương vụ Huyện ủy ban hành Kế hoạch số 114-KH/HU ngày 04/01/2023 về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 04/11/2022 của Tỉnh ủy Đắk Nông về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác CCHC tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện. Ban hành Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 06/02/2023 về thực hiện Kế hoạch số 831/KH-UBND ngày 31/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 04/11/2022 của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cải cách hành chính tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch số 114-KH/HU ngày 04/01/2023 của Ban Thường vụ Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 04/11/2022 của Tỉnh ủy Đắk Nông về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác CCHC tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Ban hành Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 26/4/2023 về triển khai thực hiện mô hình sáng kiến kinh nghiệm “Ngày không viết” và “Ngày không hẹn” trên địa bàn huyện từ ngày 10/5/2023.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương trên cơ sở nội dung nhiệm vụ được giao đã tham mưu UBND huyện ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2023[[1]](#footnote-1).

**2. Việc thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ**

Thực hiện Công văn số 1228/UBND-TH ngày 16/3/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện báo cáo công tác cải cách hành chính định kỳ, trong 06 tháng đầu năm 2023 UBND huyện Đắk Mil đã thực hiện nghiêm túc về thời gian và nội dung chất lượng báo cáo CCHC quý I, báo cáo CCHC 06 tháng theo đúng quy định[[2]](#footnote-2).

**3. Công tác thông tin, tuyên truyền CCHC**

UBND huyện ban hành Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 14/3/2023 về tuyên truyền công tác cải cách hành chính năm 2023 trên địa bàn huyện; đã chỉ đạo phòng Văn hóa và Thông tin chủ trì, phối hợp với Trung tâm VHTT&TT huyện xây dựng các tin bài, phóng sự nội dung tuyên truyền cải cách hành chính đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh, huyện và Trang thông tin điện tử huyện; kết quả, trong 06 tháng đầu năm 2023 đã thực hiện 03 bài về cải cách TTHC; 04 tin liên quan đến cải cách hành chính; 01 phóng sự về cải cách hành chính và giải quyết TTHC tại Bộ phận một cửa huyện.

**4. Công tác kiểm tra CCHC**

UBND huyện đang xây dựng Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC năm 2023 và sẽ tổ chức kiểm tra trong quý III năm 2023 đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn huyện.

**5. Việc triển khai khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước**

UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 10/02/2023 về việc khảo sát sự hài lòng của tổ chức, cá nhân về kết quả giải quyết thủ tục hành chính và chất lượng, thái độ phục vụ năm 2023 trên địa bàn huyện; theo đó, thời gian triển khai thực hiện khảo sát được tiến hành trong quý III và kết thúc vào tháng 10/2023.

**6. Tổ chức đánh giá kết quả Chỉ số CCHC năm 2022; biện pháp cải thiện và nâng cao Chỉ số CCHC năm 2023**

Trên cơ sở Quyết định số 1704/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của UBND tỉnh quy định Bộ Chỉ số CCHC, UBND huyện Đắk Mil đã ban hành Công văn số 1922/UBND-NV ngày 27/10/2022 về giao nhiệm vụ triển khai thực hiện đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính hàng năm; Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 21/11/2022 về việc thành lập Tổ tự đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính hàng năm; giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị tự thực hiện đánh giá và cung cấp tài liệu kiểm chứng trực tiếp lên phần mềm <http://daknong.cchc.com.vn/>.

Kết quả năm 2022, Chỉ số CCHC huyện đạt 79,89 điểm, xếp thứ 5/8 huyện, thành phố; giảm 3,66 điểm và tăng 01 bậc so với năm 2021. Trên cơ sở Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của UBND tỉnh về công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa; ngày 23/3/2023, UBND huyện đã tổ chức Hội nghị đánh giá công tác CCHC và Chỉ số CCHC năm 2022, triển khai phương hướng, nhiệm vụ năm 2023; đồng thời, Ban hành Kế hoạch khắc phục, nâng cao Chỉ số CCHC năm 2023 gồm 23 nội dung khắc phục, kết quả đến nay đã thực hiện 07/23 nội dung đạt 30,4% kế hoạch.

**7. Đánh giá công bố Chỉ số CCHC cấp xã**

Năm 2022 Chỉ số CCHC các xã, thị trấn tiếp tục được đánh giá theo các tiêu chí thành phần quy định tại Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của UBND huyện. Trên cơ sở hướng dẫn của UBND huyện, UBND các xã, thị trấn tự chấm điểm và gửi Báo cáo kết quả đánh giá kèm theo tài liệu kiểm chứng tự đánh giá, chấm điểm, xác định Chỉ số CCHC năm 2022 về UBND huyện thông qua Phòng Nội vụ để tổng hợp trình Tổ tự đánh giá, xác định Chỉ số CCHC huyện thẩm định. Kết quả, có 06 xã, thị trấn xếp loại Tốt; 01 xã xếp loại Khá và 03 xã xếp loại Trung bình[[3]](#footnote-3).

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

**1. Cải cách thể chế**

***a) Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL):***

Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung của Chỉ thị số 43/CT-TTg ngày 11/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật, việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật được UBND huyện chỉ đạo kịp thời, phải đảm bảo đúng quy trình, các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đều được xem xét về sự cần thiết trước khi ban hành văn bản, đối tượng và phạm vi điều chỉnh của văn bản nhằm từng bước nâng cao chất lượng, tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ và mang tính khả thi cao theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước tại địa phương, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội huyện[[4]](#footnote-4).

***b) Công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật:***

UBND huyện đã kịp thời ban hành Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 18/01/2023 về việc kiểm tra, rà soát và cập nhật văn bản Quy phạm pháp luật trên địa bàn huyện Đắk Mil năm 2023 và Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 03/02/2023 về thực hiện hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND trên địa bàn huyện Đắk Mil năm 2023.

***c) Công tác theo dõi thi hành pháp luật:***

Đã kịp thời ban hành Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 06/02/2023 về theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn huyện Đắk Mil năm 2023; Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 17/02/2023 về việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn huyện Đắk Mil năm 2023; Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 09/02/2023 về việc công nhận 9/10 xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp pháp luật năm 2022.

***d) Công tác tuyên truyền, giáo dục phổ biến pháp luật:***

UBND huyện ban hành Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 22/3/2023 về tổ chức Hội nghị tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đợt 1 năm 2023 tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện. Kết quả, trong 6 tháng đầu năm 2023 Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật huyện đã tổ chức 10 buổi tuyên truyền với các văn bản pháp luật như: Luật Nghĩa vụ quân sự; Luật Dân quân tự vệ; Luật Khiếu nại; Luật Tố cáo; Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định về việc cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, chứng thực hợp đồng giao dịch và đã thu hút khoảng 1.200 lượt người tham dự.

**2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)**

***a) Công tác kiểm soát TTHC:***

UBND huyện đã ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai hoạt động kiểm soát TTHC và giải quyết TTHC[[5]](#footnote-5). Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thường xuyên rà soát, đẩy mạnh đơn giản hoá TTHC và đề xuất sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy trình nội bộ không cần thiết, cắt giảm thời gian giải quyết, bảo đảm công tác kiểm soát TTHC và tình hình giải quyết hồ sơ TTHC được liên tục, hiệu quả; tiếp nhận, xử lý kịp thời các phản ánh, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân về giải quyết TTHC. Bên cạnh đó, Bộ phận Một cửa huyện thường xuyên rà soát và ban hành văn bản đôn đốc, nhắc nhỡ các cơ quan, đơn vị giải quyết TTHC trễ hạn tăng cường giải quyết TTHC đúng hạn cho cá nhân, tổ chức theo quy định.

***b) Tình hình công bố, công khai TTHC:***

Cập nhật, công bố đầy đủ, kịp thời danh mục TTHC do UBND tỉnh và các Sở, ngành liên quan sau khi công bố, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị niêm yết công khai TTHC tại Bộ phận một cửa các cấp và trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử đơn vị và thực hiện tra cứu TTHC bằng quét mã QR-Code[[6]](#footnote-6).

***c) Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông:***

Hiện nay, 100% cơ quan, đơn vị, địa phương đã áp dụng Hệ thống phần mềm Một cửa điện tử để tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và trả kết quả TTHC. Kết quả giải quyết TTHC trong 06 tháng đầu năm 2023: Tính đến ngày 02/6/2023, tổng số hồ sơ tiếp nhận và xử lý là 21.802 hồ sơ, trong đó hồ sơ giải quyết trước hạn là 19.925 hồ sơ chiếm tỷ lệ 94,5%; số hồ sơ giải quyết đúng hạn là 916 hồ sơ chiếm tỷ lệ 4,3%; số hồ sơ giải quyết trễ hạn là 241 hồ sơ chiếm tỷ lệ 1,1%.

Việc công khai hồ sơ, thủ tục, quy trình giải quyết, thời hạn trả kết quả, phí, lệ phí theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, đồng thời, tổ chức các đợt kiểm tra, giám sát quá trình giải quyết hồ sơ TTHC của cán bộ, công chức trong quá trình thực hiện.

Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị về quy định hành chính, hành vi hành chính: Kết quả, trong 06 tháng đầu năm không có trường hợp cá nhân, tổ chức phản ánh kiến nghị về hành vi hành chính và giải quyết TTHC trên địa bàn huyện.

**3. Cải cách tổ chức bộ máy**

***a) Rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tại địa phương:***

Tiếp tục triển khai Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập. UBND huyện đã kịp thời ban hành văn bản triển khai thực hiện đúng theo quy định, đến nay 100% Phòng, ban chuyên môn cấp huyện được quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, các đơn vị sự nghiệp công lập được phê duyệt Danh mục, bản mô tả, khung năng lực vị trí việc làm đúng quy định.

Trong 06 tháng năm 2023, UBND huyện đã ban hành 06 Quyết định kiện toàn, thành lập, tổ chức phối hợp liên ngành. Xây dựng dự thảo Đề án hợp nhất phòng Y tế vào Văn phòng HĐND và UBND huyện, dự kiến đến ngày 30/6/2023 sẽ hoàn thành việc xây dựng Đề án và trình HĐND huyện xem xét thông qua tại kỳ họp thường kỳ giữa năm 2023.

***b) Tình hình quản lý sử dụng biên chế công chức, viên chức:***

Hiện nay, Ủy ban nhân dân huyện tiếp tục thực hiện bố trí, sử dụng đúng số lượng chỉ tiêu biên chế công chức, số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp năm 2023 được UBND tỉnh giao trong năm 2022[[7]](#footnote-7); tiến hành xây dựng Kế hoạch biên chế CCVC năm 2024.

***c) Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền ở địa phương:***

Việc thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền ở địa phương theo Nghị quyết số 99/2020/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ vẫn chưa được thực hiện vì chưa có các văn bản quy định, hướng dẫn để tổ chức thực hiện phân cấp quản lý theo quy định.

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước vẫn chưa được thực hiện vì chưa có Đề án của UBND tỉnh về đẩy mạnh phân cấp đối với UBND cấp huyện, cấp xã và cơ quan chuyên môn cấp tỉnh theo quy định tại điểm c, khoản 7, Điều 4 Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ để địa phương có cơ sở thực hiện.

***d) Đánh giá về thực hiện Quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị:***

Để nâng cao chất lượng hoạt động, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, đảm bảo vai trò lãnh đạo tập thể UBND huyện và phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ được giao và giải quyết tốt các mối quan hệ công tác. UBND huyện đã ban hành Quyết định số 862/2021/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 về Quy chế làm việc của UBND huyện, nhiệm kỳ 2021 - 2026; trên cơ sở đó các cơ quan, đơn vị, địa phương đã chủ động xây dựng quy chế làm việc, thong báo phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức của các cơ quan, đơn vị đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật.

***đ) Tỷ lệ Phòng, ban chuyên môn ban hành Thông báo phân công nhiệm vụ:*** Hiện nay, 100% các Phòng, ban, đơn vị thuộc huyện ban hành thông báo phân công nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ.

***e) Thực hiện tinh giản biên chế:***

Trong 06 tháng đầu năm, UBND huyện chưa thực hiện tinh giản biên chế theo kế hoạch của UBND tỉnh. Tuy nhiên bên cạnh đó, đã ban hành 27 Quyết định nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội đối với viên chức sự nghiệp giáo dục; 01 Quyết định nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội đối với công chức huyện; 23 Thông báo nghỉ hưu đối với công chức và viên chức; 01 Quyết định giải quyết thôi việc đối với viên chức; 01 Quyết định về việc nghỉ hưu trước tuổi đối với viên chức.

***f) UBND cấp xã tổ chức Hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân trên địa bàn theo quy định tại Điều 125, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015:***

Trong năm 2022, có 100% các xã, thị trấn xây dựng Kế hoạch và tổ chức Hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân trên địa bàn theo quy định. Đến tháng 06 năm 2023, có 100% các xã, thị trấn xây dựng Kế hoạch tổ chức Hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân trên địa bàn và dự kiến thời gian tổ chức Hội nghị vào quý IV.

**4. Cải cách chế độ công vụ**

***a) Ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức:***

Trên cơ sở Nghị định số 106/2020/NĐ-CP, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ về vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh cấp huyện, đến nay có 100% cơ quan chuyên môn cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập được quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo quy định. Tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính, được sắp xếp, kiện toàn theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực và hiệu quả.

Ban hành Quyết định số 653/QĐ-UBND ngày 31/5/2023 về phê duyệt Đề án vị trí việc làm của phòng Nội vụ.

***b) Thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức:***

Trong 06 tháng đầu năm 2023, UBND huyện đã thực hiện quy trình tuyển dụng CC cấp xã, viên chức sự nghiệp giáo dục, viên chức sự nghiệp khác và nhân viên tổ chức Hội đặc thù theo quy định. Kết quả, đã tuyển dụng 02 công chức cấp xã; 49 viên chức sự nghiệp giáo dục; 20 viên chức sự nghiệp khác và nhân viên Hội đặc thù.

***c) Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức:***

Trong 06 tháng đầu năm 2023 UBND huyện đã bổ nhiệm lại 02 viên chức lãnh đạo, quản lý[[8]](#footnote-8) và đang thực hiện quy trình kiện toàn lãnh đạo quản lý tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện; lãnh đạo quản lý tại các Phòng Nội vụ, Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Dân tộc…

Ban hành Quyết định phê chuẩn kết quả bầu bổ sung chức danh Phó Chủ tịch UBND xã Đắk N'Drót, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Nguyễn Đình Hiền, Công chức Văn phòng - Thống kê thuộc UBND xã Đắk N'Drót; Quyết định phê duyệt kết quả bầu bổ sung chức danh Chủ tịch UBND xã Đắk Gằn, nhiệm kỳ 2021-2026 đối với ông Cao Đức Nguyên, nguyên Phó Trưởng phòng phụ trách phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện.

***d) Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức:***

Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2023 theo quy định; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo cấp xã năm 2023; Ban hành Công văn triển khai đăng ký CBCCVC tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng năm 2023; Công văn về việc rà soát nhu cầu bồi dưỡng công nghệ thông tin; Báo cáo rà soát nhân lực CNTT và đăng ký nhu cầu bồi dưỡng CNTT.Đãtổ chức Hội nghị tập huấn, nâng cao năng lực Chuyển đổi số cho 234 người là công chức cấp huyện, CBCC cấp xã, Tổ công nghệ sốcộng đồng cấp xã và cấp thôn, bon, tổ dân phố; Cử 23 công chức tham gia Hội nghị tập huấn công tác văn thư, lưu trữ; Cử 6 đảng viên tham gia các lớp đào đào Lý luận chính trị tại Trường Chính trị tỉnh.

***đ) Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị:***

UBND huyện chưa thực hiện việc thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị thuộc huyện.

***e) Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức:***

Trong 6 tháng năm 2023, CBCCVC trên địa bàn huyện chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính; chưa có trường hợp CBCCVC vi phạm về kỷ luật, kỷ cương hành chính. Tuy nhiên, có 01 công chức địa chính, xây dựng - nông nghiệp và môi trường xã Đắk R’la bị tạm giữ hình sự để phục vụ điều tra về hành vi nhận hối lộ.

***f) Đổi mới công tác quản lý CBCCVC:***

Thực hiện công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo thẩm quyền được phân cấp đối với 82 công chức huyện; 202 cán bộ, công chức cấp xã và 1.387 người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện. Đồng thời triển khai cập nhật thông tin CBCCVC trên hệ thống phần mềm theo quy định[[9]](#footnote-9).

Đang triển khai xây dựng Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định tại Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ trên địa bàn huyện năm 2023. Dự kiến việc chuyển đổi công tác sẽ được thực hiện trong quý III năm 2023.

***g) Nâng cao chất lượng đội ngũ CBCC cấp xã:***

Thực hiện Quyết định số 1234/QĐ-UBND, ngày 27/7/2022 của UBND  
tỉnh, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 về việc Kế hoạch củng cố và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn huyện, giai đoạn 2022 - 2023.

Qua việc triển khai thực hiện kế hoạch, các địa phương đã quan tâm, tạo  
điều kiện hơn cho cán bộ, công chức được đi đào tạo nâng cao trình độ lý luận  
chính trị, đặc biệt là trưởng các đoàn thể chính trị - xã hội, công chức cấp xã, đồng thời cán bộ, công chức cấp có trình độ chuyên môn cao đẳng, trung cấp được tạo điều kiện tự túc tham gia các lớp đào tạo đại học để nâng cao trình độ chuyên môn. Hiện nay đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn huyện đã đảm bảo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị và quản lý nhà nước theo quy định.

**5. Cải cách tài chính công**

***a) Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập:***

Đến nay, các đơn vị sự nghiệp công lập đã thực hiện nghiêm túc Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập: Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập tại huyện hiện nay là 45 đơn vị; đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên là 42 đơn vị; đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên là 02 đơn vị; đơn vị sự nghiệp tự chủ hoàn toàn về kinh phí là 01 đơn vị.

Đã ban hành Quyết định về việc phân loại, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với Đội Quản lý đô thị; Quyết định giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho 39 đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập giai đoạn 2023 - 2027.

***b) Thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công:***

Thực hiện Luật Ngân sách, các quy định của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về quản lý, sử dụng tài sản công, UBND huyện thường xuyên chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn nâng cao hiệu quả lập dự toán ngân sách nhà nước tỉnh; quản lý, sử dụng, thanh quyết toán, phân bổ ngân sách nhà nước đảm bảo sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, giải ngân đúng tiến độ[[10]](#footnote-10).

***c) Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách (nếu có):***

UBND huyện ban hành Công văn số 315/UBND-TCKH ngày 24/02/2023 về việc triển khai kết luận, kiến nghị của Kiểm toán còn tồn đọng đến năm 2020 và năm 2021; trên cơ sở đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã nghiêm túc triển khai thực hiện khắc phục các tồn tại, hạn chế được chỉ ra.

***d) Về xây dựng, cập nhật, sửa đổi bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ; lập dự  
toán, báo cáo quyết toán theo quy định:***

Hằng năm sau khi được cấp trên phân bổ kinh phí, Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện phân bổ kinh phí, sau khi Hội đồng nhân dân huyện thông qua, Ủy ban nhân dân huyện thực hiện công khai theo quy định *(bao gồm dự toán mua sắm và kế hoạch vốn đầu tư).* Đồng thời, hướng dẫn các đơn vị thực hiện công tác công khai tài chính ngân sách hàng năm; trong đó có nội dung hướng dẫn về rà soát, xây dựng, điều chỉnh quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý, sử dụng tài sản công, thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công và báo cáo quyết toán theo quy định. Kết quả đến nay, 100% cơ quan, đơn vị, địa phương chấp hành nghiêm túc việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ; lập dự toán và báo cáo quyết toán theo quy định.

***đ) Về thực hiện phân phối kết quả tài chính, sử dụng kinh phí tiết kiệm:***

Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan quản lý nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước được xác định trên cơ sở biên chế được giao và định mức chi thường xuyên.

***e) Về giải ngân vốn đầu tư công:***

Tổng số vốn đầu tư công năm 2023 được giao 96,174 tỷ đồng, giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 đến hết tháng 5/2023 ước đạt 11 tỷ đồng, đạt 11,4% kế hoạch vốn được giao.

**6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**

***a) Kết quả tỷ lệ văn bản điện tử trên Hệ thống quản lý và điều hành văn bản; quản lý và sử dụng chứng thư số, chử ký số:***

UBND huyện đã ban hành Công văn số 1170/UBND-VP ngày 21/7/2022 về việc thực hiện ký số và trao đổi văn bản điện tử trên địa bàn huyện. Hiện nay, Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (iOffice) đã được tích hợp chữ ký số, chứng thư số do Ban cơ yếu Chính phủ cấp đã được triển khai đồng bộ 100% các cơ quan từ cấp huyện đến cấp xã *(bao gồm các đơn vị sự nghiệp công lập)*, đảm bảo kết nối liên thông với trục liên thông văn bản quốc gia, tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi, sử dụng văn bản điện tử qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, rút ngắn thời gian xử lý văn bản, thuận lợi cho việc chia sẻ, sử dụng lại văn bản điện tử, giảm chi phí hành chính, nâng cao hiệu quản lý, điều hành của cơ quan, tổ chức trên địa bàn huyện; kết quả hiện nay có trên 95% tỷ lệ văn bản được ký số và trao đổi qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành iOffice (trừ văn bản mật).

***b) Kết quả xây dựng, phát triển dữ liệu:***

Đã triển khai nâng cấp Trang thông tin điện tử của huyện đảm bảo cung cấp đầy đủ các thông tin về KT-XH, QP-AN đảm bảo công khai, minh bạch thông tin theo quy định.

Thực hiện kết nối với các hệ thống thông tin, cơ sơ dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp, bảo hiểm, văn bản quy phạm pháp luật; các hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến; thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch; cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách; thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử.

***c) Xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật:***

Đến nay, 100% cán bộ, công chức, viên chức được trang bị máy vi tính để làm việc. 100% các cơ quan, đơn vị, địa phương có kết nối mạng LAN và Internet tốc độ cao; 100% đơn vị khối Đảng, Chính quyền đã kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

***d) Xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ:***

Nhiều phần mềm ứng dụng được đưa vào triển khai như phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp, phần mềm quản lý Bộ phận một cửa... phần mềm diệt virus của Viettel... hệ thống Văn bản ioffice. Có 100% các cơ quan đơn vị từ cấp huyện đến cấp xã được ung cấp và thực hiện ký số theo quy định.

***đ) Xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp:***

Đã triển khai niêm yết quét mã QR-Code tra cứu danh mục các thủ tục hành chính tại bộ phân một cửa cấp huyện, cấp xã tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân và tổ chức dễ dàng tra cứu, tìm hiểu ở mọi lúc, mọi nơi.

***e) Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần:***

Ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh thực hiện việc giải quyết TTHC trên môi trường mạng[[11]](#footnote-11), đặc biệt là việc đẩy mạnhthực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần. Hiện nay, số TTHC dịch vụ công trực tuyến toàn trình là 99 TTHC, dịch vụ công một phần trực tiếp là 50 TTHC; số hồ sơ phát sinh trực tuyến một phần là 654 hồ sơ.

**7. Tác động của CCHC đến phát triển kinh tế - xã hội**

***a) Mức độ thu hút đầu tư, tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm so  
với cùng kỳ năm 2022:***

Trong 06 tháng đầu năm 2023, trên địa bàn huyện Đắk Mil có 22 doanh nghiệp thành lập mới, tăng 10 doanh nghiệp so với cùng kỳ năm 2022.

***b) Việc thực hiện thu ngân sách nhà nước so với cùng kỳ năm 2022:***

Tổng thu ngân sách đến tháng hết tháng 5/2023 ước đạt 63,94 tỷ đồng, bằng 31,3% so với cùng kỳ năm 2022 *(chênh lệch chủ yếu là do thu tiền sử dụng đất năm 2021 chuyển sang năm 2022).*

***c) Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội do HĐND  
huyện giao:***

Có 05/11 nhóm chỉ tiêu đạt khá so với kế hoạch đề ra, chiếm 45,45%; 06/11 nhóm chỉ tiêu chưa thể đánh giá hoặc chưa thể đánh giá toàn bộ do điều tra số liệu tiến hành vào cuối năm, chiếm 54,54%. Khả năng đến cuối năm có 11/11 nhóm chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch.

**8. Việc triển khai các nhiệm vụ giải pháp cải thiện và nâng cao Chỉ số quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI)**

***a) Việc ban hành các văn bản chỉ đạo khắc phục:***

Thực hiện Thông báo kết luận số 734/TB-VPUBND ngày 30/6/2022 của Văn phòng UBND tỉnh Đắk Nông về việc Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Hồ Văn Mười tại Hội nghị đánh giá công tác cải cách hành chính và công bố chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, cấp huyện năm 2021; Công văn số 4181/UBND-TH ngày 27/7/2022 về việc khắc phục tồn tại, hạn chế và nâng cao chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2022; Công văn số số 1434/SNV-CCVC,ngày 06/10/2022 của Sở Nội vụ tỉnh Đắk Nông về việc nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Đắk Nông năm 2022, UBND huyện đã ban hành Công văn số 1091/UBND-NV ngày 06/7/2022 về việc triển khai thực hiện các nội dung Thông báo kết luận số 734/TB-VPUBND ngày 30/6/2022 của Văn phòng UBND tỉnh Đắk Nông; Công văn số 1798/UBND-NV ngày 14/10/2022 để triển khai thực hiện nhằm nâng cao chỉ số PAPI, nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

***b) Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến giúp cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân tại cơ sở về chỉ số PAPI:***

UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thường xuyên quán triệt, tuyên truyền, cho cán bộ, công chức, viên chức về các nội dung của Chỉ số PAPI trong các cuộc họp, hội nghị chuyên đề và các Hội nghị tuyên truyền giáo dục phổ biến pháp luật để cán bộ, công chức, viên chức biết đầy đủ các nội dung, các tiêu chí thành phần của Chỉ số PAPI và nhận thức đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng của Chỉ số PAPI đối với sự phát triển bền vững của huyện. Bên cạnh đó còn chỉ đạo đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật tại cộng đồng dân cư bằng nhiều hình thức như: Phổ biến qua các hội nghị, Trang thông tin điện tử của huyện, hệ thống truyền thanh cấp huyện, cấp xã và các hình thức khác cho người dân dễ dàng tiếp cận, đảm bảo người dân hiểu biết đầy đủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật liên quan đến đời sống thường ngày.

***c) Việc thực hiện công khai danh sách hộ nghèo; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:***

Thực hiện theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 về quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025. UBND huyện đã chỉ đạo UBND các xã, thị trấn thực hiện theo đúng quy định về việc niêm yết công khai kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, bon, tổ dân phố và trụ sở UBND xã, thị trấn; thông báo qua đài truyền thanh xã trong thời gian 03 ngày làm việc. Sau khi hết thời hạn niêm yết công khai và phúc tra Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, cận nghèo ở xã, thị trấn tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã về danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo *(sau khi rà soát).* Năm 2022, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn huyện.

Thực hiện Quyết định số 2072/QĐ-UBND, ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 2130/QĐ-UBND, ngày 15/12/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. UBND huyện đã ban hành Thông báo số 03/TB-UBND ngày 04/01/2023 về việc công bố công khai Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông theo đúng quy định. Bên cạnh đó, năm 2023 UBND huyện đã tổ chức 02 Hội thảo lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan đối với dự thảo Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đắk Mil.

***d) Việc triển khai các nhiệm vụ giải pháp nâng cao chất lượng các dịch vụ công giáo dục tiểu học công lập:***

Để quản lý tốt và nâng cao chất lượng giáo dục tiểu học trong giai đoạn mới, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 05/10/2020 về thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở giai đoạn 2020-2025; Kế hoạch số 159/KH-UBND ngày 03/8/2021 về thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở huyện năm 2022.

***e) Việc triển khai phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, nhân rộng các mô hình “tự quản, tự phòng” trong phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội tại địa bàn dân cư:***

Năm 2023, UBND huyện đã giao cho Công an huyện *(Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo huyện)* xây dựng kế hoạch số 61/KH-BCĐ ngày 06/3/2023 về công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc năm 2023. Bên cạnh đó, UBND huyện ban hành Kế hoạch số 70/KH-UBND ngày 14/3/2023 về việc xây dựng xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục điển hình về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; kết quả đã có 100% các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện.

**III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**1. Ưu điểm**

Công tác CCHC tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của UBND tỉnh, hướng dẫn về chuyên môn của Sở Nội vụ, lãnh đạo, chỉ đạo của BTV Huyện ủy, UBND huyện và sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, đơn vị và địa phương trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính được chú trọng thực hiện với nhiều nội dung, hình thức phong phú và đa dạng.

Công tác kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, một cửa điện tử tiếp tục được triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp.

Việc quán triệt, triển khai thực hiện, chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành và thực thi chính sách, pháp luật, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực thi công vụ ngày càng chuyên nghiệp, hiện đại.

**2. Tồn tại, hạn chế**

Vẫn còn có cơ quan, đơn vị và địa phương thực hiện chế độ thông tin báo cáo về CCHC chưa kịp thời, báo cáo không đúng nội dung trọng tâm làm ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng công tác tổng hợp báo cáo chung của huyện.

Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ và tỷ lệ hồ sơ trực tuyến chưa cao, người dân và doanh nghiệp chưa quan tâm nhiều về thực hiện dịch vụ công toàn trình và một phần.

Việc triển khai các nền tảng số, quy hoạch dữ liệu, xây dựng dữ liệu dùng chung còn hạn chế; chưa tạo lập được kho dữ liệu, hệ thống tổng hợp, phân tích dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành. Đa số người dân trên địa bàn chưa được hướng dẫn các kỹ năng số cơ bản như truy cập và sử dụng Internet, thư điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân. Việc thanh toán điện tử, thương mại điện tử trên địa bàn huyện chưa phát triển mạnh.

**IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

**1.** Kính đề nghị UBND tỉnh sớm ban hành Quyết định danh mục TTHC trực tuyến một phần và danh mục TTHC trực tuyến toàn trình và văn bản hướng dẫn cụ thể về việc thu phí trực tuyến để các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện.

**2.** Kính đề nghị UBND tỉnh kiến nghị với Bộ Nội vụ sớm ban hành các quy định, hướng dẫn để tổ chức thực hiện phân cấp quản lý theo quy định tại Nghị quyết số 99/2020/NQ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ.

**3.** Đề nghị Sở Nội vụ nghiên cứuxây dựng Đề án tham mưuUBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Đề án đẩy mạnh phân cấp đối với UBND cấp huyện, cấp xã và cơ quan chuyên môn cấp tỉnh theo quy định tại điểm c, khoản 7, Điều 4 Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ để địa phương có cơ sở thực hiện.

**4.** Đến nay, bộ TTHC cấp huyện và cấp xã theo Quyết định 325 của UBND tỉnh chưa được cập nhật đầy đủ trên phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, cụ thể: Các TTHC thuộc lĩnh vực Đất đai, An toàn đập hồ chứa thuỷ điện, bồi thường nhà nước, bảo hiểm xã hội, tổ chức biên chế, Môi trường, Thư viện, giáo dục mầm non, thuỷ lợi, lâm nghiệp, giáo dục và đào tạo hệ thống giáo dục quốc dân, cơ sở vật chất thiết bị trường học không có trên Phần mềm một cửa. UBND huyện đã ban hành Công văn số 2080/UBND-VP ngày 14/11/2022 đề nghị Văn phòng UBND tỉnh bổ sung và đã kiến nghị tại cuộc họp UBND tỉnh tuy nhiên đến nay vẫn chưa nhận được phản hồi, cụ thể như:

- Thủ tục đăng ký biến động (tăng giảm diện tích) quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liến với đất đồng thời cấp đổi giấy chứng nhận.

- Thủ tục đăng ký tách, hợp thửa đất đồng thời chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

- Thủ tục đăng ký chuyển nhượng, tặng cho góp vốn, thỏa thuận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đồng thời cấp đổi GCNQSD đất.

- Thủ tục đăng ký cung cấp thông tin dự liệu về đất đai.

- Thủ tục đăng ký thay đổi tài (bổ sung tài sản) sản gắn liền với đất vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.

**5.** Phần mềm một cửa chưa có chức năng thống kê từng bước trễ hạn trong hồ sơ của các đơn vị, mà chỉ thực hiện thủ công, mở và kiểm tra từng hồ sơ trên phần mềm. Chưa có phần mềm thống kê số lượng tiếp nhận hồ sơ trực tuyến của các đơn vị, địa phương gây khó khăn trong việc theo dõi báo cáo. UBND huyện đã kiến nghị VNPT và Văn phòng UBND tỉnh nhưng hiện chưa khắc phục được.

Trên đây là Báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính phục vụ Đoàn kiểm tra công tác CCHC số 346 - UBND tỉnh của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Mil./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - UBND tỉnh (b/c);  - CT, các PCT UBND huyện (đ/b);  - BCĐ cải cách hành chính huyện (đ/b);  - Các Phòng, ban thuộc huyện (đ/b);  - UBND các xã, thị trấn (đ/b);  - Trang TTĐT huyện (đăng Website);  - Lưu: VT, NV(N). | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Ngọc Lũy** |

**PHỤ LỤC 2**

**BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH 06 THÁNG NĂM 2023**

**PHỤC VỤ ĐOÀN KIỂM TRA CÔNG TÁC CCHC CỦA TỈNH**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /6/2023 của UBND huyện)*

**BIỂU MẪU 1**

**Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu thống kê**  (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng Quý, 6 tháng, năm) | **Kết quả thống kê** | | **Ghi chú** |
| Đơn vị tính | Số liệu |
| **1** | **Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành** *(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)* | Văn bản | 19 |  |
| **2** | **Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm** *(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)* | % | 56,4 |  |
| 2.1 | Số nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch | Nhiệm vụ | 39 |  |
| 2.2 | Số nhiệm vụ đã hoàn thành | Nhiệm vụ | 22 |  |
| **3** | **Kiểm tra CCHC** |  |  |  |
| 3.1 | Số Phòng, ban, đơn vị đã kiểm tra | Cơ quan, đơn vị | 0 |  |
| 3.2 | Số UBND cấp xã, thị trấn đã kiểm tra | Cơ quan, đơn vị | 0 |  |
| 3.3 | Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra | % | 0 |  |
| 3.3.1 | Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra | Vấn đề | 0 |  |
| 3.3.2 | Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong | Vấn đề | 0 |  |
| **4** | **Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy** *(thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)* |  | 0 |  |
| 4.1 | Số cơ quan, đơn vị được thanh tra | % | 0 |  |
| 4.2 | Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra | % | 0 |  |
| **5** | **Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh và UBND huyện giao** |  |  |  |
| 5.1 | Tổng số nhiệm vụ được giao | Nhiệm vụ | 24 |  |
| 5.2 | Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn | Nhiệm vụ | 18 |  |
| 5.3 | Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn | Nhiệm vụ | 0 |  |
| 5.4 | Số nhiệm vụ chưa hoàn thành nhưng chưa quá hạn | Nhiệm vụ | 6 |  |
| **6** | **Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức** | Có = 1; Không = 0 | 0 |  |
| 6.1 | Số lượng phiếu khảo sát | Số lượng | 0 |  |
| 6.2 | Hình thức khảo sát | Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2 |  |  |
| **7** | **Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp** | Không = 0; Có = 1 | 0 |  |

**BIỂU MẪU 2**

**Cải cách thể chế**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu thống kê**  (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | **Kết quả thống kê** | | **Ghi chú** |
| Đơn vị tính | Số liệu |
| **1** | **Tổng số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) do cơ quan, đơn vị và địa phương ban hành (tham mưu ban hành)** | Văn bản |  |  |
| 1.1 | Số VBQPPL do cấp huyện ban hành | Văn bản | 0 |  |
| 1.2 | Số VBQPPL do cấp xã ban hành |  | 0 |  |
| **2** | **Kiểm tra, xử lý VBQPPL** |  |  |  |
| 2.1 | Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp huyện | Văn bản | 0 |  |
| 2.2 | Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra | % | 0 |  |
| 2.2.1 | Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra | Văn bản | 0 |  |
| 2.2.2 | Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong | Văn bản | 0 |  |
| **3** | **Rà soát VBQPPL** |  |  |  |
| 3.1 | Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp huyện | Văn bản |  |  |
| 3.2 | Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát | % | 0 |  |
| 3.2.1 | Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát | Văn bản | 0 |  |
| 3.2.2 | Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong | Văn bản | 0 |  |

|  |
| --- |
| **BIỂU MẤU 3**  **Cải cách thủ tục hành chính** |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu thống kê**  (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | **Kết quả thống kê** | | **Ghi chú** |
| Đơn vị tính | Số liệu |
| **1** | **Thống kê thủ tục hành chính (TTHC**) | Văn bản |  |  |
| 1.1 | Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa | Thủ tục | 0 |  |
| 1.2 | Số TTHC công bố mới | Thủ tục | 0 |  |
| 1.3 | Số TTHC bãi bỏ, thay thế | Thủ tục | 0 |  |
| 1.4 | Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương | Thủ tục | 464 |  |
| 1.4.1 | *Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)* | *Thủ tục* | 343 |  |
| 1.4.2 | *Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)* | *Thủ tục* | 121 |  |
| **2** | **Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông** |  | **32** |  |
| 2.1 | Số TTHC liên thông cùng cấp | Thủ tục | 0 |  |
| 2.2 | Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền | Thủ tục | 32 |  |
| 2.3 | Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính | Thủ tục | 0 |  |
| **3** | **Kết quả giải quyết TTHC** |  |  |  |
| 3.1 | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn | % | 98,7 |  |
| *3.1.1* | *Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong* | *Hồ sơ* | 15.840 |  |
| *3.1.2* | *Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn* | *Hồ sơ* | 15.404 |  |
| 3.2 | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn | % | 99,08 |  |
| *3.2.1* | *Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong* | *Hồ sơ* | 5.001 |  |
| *3.2.2* | *Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn* | *Hồ sơ* | 4.521 |  |
| 3.3 | Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC | % | 0 |  |
| *3.3.1* | *Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)* | *PAKN* | 0 |  |
| *3.3.2* | *Số PAKN đã giải quyết xong* | *PAKN* | 0 |  |

|  |
| --- |
| **BIỂU MẤU 4**  **Cải cách tổ chức bộ máy** |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu thống kê**  (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | **Kết quả thống kê** | | **Ghi chú** |
| **Đơn vị tính** | **Số liệu** |
| **1** | **Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy** |  |  |  |
| 1.1 | Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ | % | 100 |  |
| 1.2 | Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND huyện | Ban | 1 |  |
| 1.3 | Số tổ chức liên ngành do cấp huyện thành lập | Tổ chức | 0 |  |
| 1.4 | Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương | Cơ quan, đơn vị | 46 |  |
| *1.4.1* | *Số ĐVSNCL thuộc UBND huyện* | *Cơ quan, đơn vị* | 46 |  |
| *1.4.2* | *Số ĐVSNCL thuộc các Phòng, ban và tương đương* | *Cơ quan, đơn vị* | 0 |  |
| *1.4.3* | *Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015* | *%* | 18,2 |  |
| **2** | **Số liệu về biên chế công chức** |  |  |  |
| 2.1 | Tổng số biên chế được giao trong năm | Người | 89 |  |
| 2.2 | Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo | Người | 82 |  |
| 2.3 | Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính | Người | 04 |  |
| 2.4 | Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo | Người | 0 |  |
| 2.5 | Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015 | % | >10,3 |  |
| **3** | **Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập** |  |  |  |
| 3.1 | Tổng số người làm việc được giao | Người | 1.472 |  |
| 3.2 | Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo | Người | 1.387 |  |
| 3.3 | Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo | Người | 0 |  |
| 3.4 | Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015 | % | 1,07 |  |

|  |
| --- |
| **BIỂU MẤU 5**  **Cải cách chế độ công vụ** |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu thống kê**  (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | | **Kết quả thống kê** | | **Ghi chú** |
| **Đơn vị tính** | **Số liệu** |
| **1** | **Vị trí việc làm của công chức, viên chức** | |  |  |  |
| 1.1 | Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định | | Cơ quan, đơn vị | 1 |  |
| 1.2 | Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định | | Cơ quan, đơn vị | 6 |  |
| 1.3 | Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra | | Cơ quan, đơn vị | 0 |  |
| **2** | **Tuyển dụng công chức, viên chức** | |  |  |  |
| 2.1 | Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển) | | Người | 02 |  |
| 2.2 | Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt | | Người | 0 |  |
| 2.3 | Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên | | Người | 01 |  |
| 2.4 | Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển) | | Người | 49 |  |
| 2.5 | Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt | | Người | 0 |  |
| **3** | **Số lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển** *(Lũy kế từ đầu năm)* | |  | 0 |  |
| **4** | **Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật** *(cả về Đảng và chính quyền)* | |  |  |  |
| 4.1 | Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật | | Người | 0 |  |
| 4.2 | Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật | | Người | 0 |  |
| 4.3 | Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật | | Người | 0 |  |
| 4.4 | Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập bị kỷ luật | | Người | 2 |  |
| **BIỂU MẤU 6**  **Cải cách tài chính công** | | | | |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu thống kê**  (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | **Kết quả thống kê** | | **Ghi chú** |
| **Đơn vị tính** | **Số liệu** |
| **1** | **Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công** | **%** | **11,4** |  |
| 1.1 | Kế hoạch được tỉnh giao | Triệu đồng | 96.174 |  |
| 1.2 | Đã thực hiện | Triệu đồng | 11 |  |
| **2** | **Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương** *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)* |  |  |  |
| 2.1 | Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương | Đơn vị | 46 |  |
| 2.2 | Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư |  | 0 |  |
| 2.3 | Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên |  | 02 |  |
| 2.4 | Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên |  | 0 |  |
| 2.4.1 | *Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên* |  | 0 |  |
| 2.4.2 | *Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên* |  | 0 |  |
| 2.4.3 | *Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên* |  | 0 |  |
| 2.5 | Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên |  | 44 |  |
| 2.6 | Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)* |  | 0 |  |

|  |
| --- |
| **BIỂU MẤU 7**  **Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số** |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu thống kê**  (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | **Kết quả thống kê** | | **Ghi chú** |
| **Đơn vị tính** | **Số liệu** |
| **1** | **Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất** | Chưa = 0 Hoàn thành = 1 | **0** |  |
| **2** | **Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến**  Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã | Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2 | 2 |  |
| **3** | **Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia** | **%** | 100 |  |
| **4** | **Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung** (LGSP) | Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2 | 1 |  |
| **5** | **Số liệu về trao đổi văn bản điện tử** |  |  |  |
| 5.1 | Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã |  |  |  |
| 5.1.1 | *Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh* | % | 100 |  |
| 5.1.2 | *Tỷ lệ Phòng, ban, đơn vị đã kết nối, liên thông với UBND huyện* | % | 100 |  |
| 5.1.3 | *Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện* | % | 100 |  |
| 5.2 | Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương *(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)* | % | 100 |  |
| 5.2.1 | *Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện* | % | 100 |  |
| 5.2.2 | *Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các Phòng, ban, đơn vị cấp huyện* | % | 100 |  |
| 5.2.3 | *Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã* | % | 100 |  |
| 5.3 | Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh |  |  |  |
| 5.3.1 | *Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống* | % | 100 |  |
| 5.3.2 | *Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống* | % | 100 |  |
| **6** | **Cung cấp dịch vụ công trực tuyến** |  |  |  |
| 6.1 | Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3 | % | 100 |  |
| *6.1.1* | *Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3* | Thủ tục | 99 |  |
| *6.1.2* | *Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3* | Thủ tục | 99 |  |
| *6.1.3* | *Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến* | Thủ tục | 230 |  |
| 6.2 | Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4 | % | 100 |  |
| *6.2.1* | *Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4* | Thủ tục | 50 |  |
| *6.2.2* | *Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4* | Thủ tục | 50 |  |
| *6.2.3* | *Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến* | Thủ tục | 50 |  |
| 6.3 | Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia | % | 149 |  |
| *6.3.1* | *Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương* | Thủ tục | 149 |  |
| *6.3.2* | *Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia* | Thủ tục | 149 |  |
| 6.4 | Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 *(Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)* | % | 0 |  |
| *6.4.1* | *Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)* | *Thủ tục* | 0 |  |
| *6.4.2* | *Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến* | *Thủ tục* | 230 |  |
| 6.5 | Tỷ lệ hồ sơ được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến | % | 149 |  |
| *6.5.1* | *Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,…)* | *Thủ tục* | 0 |  |
| *6.5.2* | *Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh* | *Thủ tục* | 50 |  |

1. Công văn số 11/NV-CCHC ngày 03/02/2023 của Phòng Nội vụ về đôn đốc triển khai thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2023; Công văn số 82/UBND-NV ngày 13/01/2023 của UBND huyện về tăng cường trách nhiệm thực thi nhiệm, vụ công vụ; Công văn số 348/UBND-NV ngày 01/3/2023 của UBND huyện về triển khai lập hồ sơ điện tử và nộp lưu hồ sơ điện tử vào lưu trữ cơ quan trên hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành iOffice; Công văn số 257/UBND-VP ngày 17/02/2023 của UBND huyện về triển khai Bộ chỉ tiêu tạm thời đánh giá công nhận xã, thị trấn chuyển đổi số chuyển đổi số nâng cao; Báo cáo số 83/BC-UBND ngày 21/02/2023 của UBND huyện về nhân lực công nghệ thông tin và nhu cầu đào tạo nhân lực công nghệ thông tin. [↑](#footnote-ref-1)
2. Báo cáo số 112/BC-UBND ngày 06/3/2023 về kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý I và phương hướng, nhiệm vụ quý II năm 2023; Báo cáo số 365/BC-UBND ngày 06/6/2023 về kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính 06 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2023. [↑](#footnote-ref-2)
3. (1) Xếp loại Tốt: Xã Long Sơn đạt 91,3 điểm; thị trấn Đắk Mil đạt 89,8 điểm; xã Đắk Sắk đạt 88,8 điểm; xã Đắk N’Drót đạt 83,8 điểm; xã Đức Minh đạt 83,8 điểm; xã Đắk Lao đạt 80,3 điểm. (2) xếp loại Khá: Xã Đắk R’La đạt 79 điểm. (3) Xếp loại Trung bình: Xã Đắk Gằn đạt 67,3 điểm; xã Đức Mạnh đạt 67 điểm và xã Thuận An đạt 62,3 điểm. [↑](#footnote-ref-3)
4. Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 về việccông bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND huyện hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2022; Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 03/02/2023 về thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND trên địa bàn huyện Đắk Mil kỳ 2019 -2023; Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 03/02/2023 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn huyện Đắk Mil năm 2023; Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 10/02/2023 về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn huyện Đắk Mil năm 2023; Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 13/02/2023 về triển khai công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn huyện Đắk Mil năm 2023. [↑](#footnote-ref-4)
5. Kế hoạch số 290/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND huyện về việc rà soát, đơn giản hoá thủ tục hành chính nội bộ trong hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện Đắk Mil; Kế hoạch số 291/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND huyện về việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trên địa bàn huyện Đăk Mil năm 2023; Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 10/02/2023 của UBND huyện về việc khảo sát sự hài lòng của tổ chức, cá nhân về kết quả giải quyết thủ tục hành chính và chất lượng, thái độ phục vụ năm 2023 trên địa bàn huyện; Công văn số 1056/UBND-VP ngày 22/5/2023 về việc tiếp tục tăng cường, đẩy mạnh việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến; Công văn số 598/UBND-VP ngày 31/3/2023 về việc tiếp tục tăng cường triển khai thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết dịch vụ công trực tuyến; Công văn số 916/UBND-VP ngày 05/5/2023 về việc rà soát, đánh giá và hoàn thiện công tác giải quyết thủ tục hành chính; Công văn số 1085/UBND-VP ngày 24/5/2023 về việc nâng cao hiệu quả thực hiện công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện THHC trên môi trường điện tử; Công văn số 1098/UBND-VP ngày 25/5/2023 về việc tiếp tục triển khai Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của UBND tỉnh về việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết Thủ tục hành chính qua dịch vụ Bưu chính công ích. [↑](#footnote-ref-5)
6. Công bố 343 TTHC cấp huyện và 121 TTHC cấp xã theo Quyết định số 325 của UBND tỉnh. [↑](#footnote-ref-6)
7. Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 về việc giao 89 chỉ tiêu biên chế công chức trong các cơ quan hành chính Nhà nước và giao hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ - CP trong các cơ quan hành chính thuộc huyện năm 2022; Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 giao 1.476 số người làm việc và 52 hợp đồng làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập và Hội có tính chất đặc thù thuộc huyện; Về số lượng cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã được UBND tỉnh giao hàng năm là 216 biên chế, hiện nay đã bố trí 202 người trong đó: cán bộ 97 người; công chức 105 người. [↑](#footnote-ref-7)
8. Bà Nguyễn Thị Hồng Diệp, Phó Hiệu trưởng Trường MG Mầm non và Ông Cao Văn Hưng, Phó Hiệu trưởng Trường THCS Lê Hồng Phong. [↑](#footnote-ref-8)
9. Công văn số 1422/UBND-NV ngày 25/8/2022 về việc bố trí CBCCVC tham gia tập huấn và thực hiện nhập liệu, cập nhật hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức; Công văn số 1540/UBND-NV ngày 12/9/2022 về việc thực hiện công tác lưu trữ hồ sơ cán bộ, công chức theo quy định tại Thông tư số 11/2012/TT-BNV ngày 17/12/2012 của Bộ Nội vụ. [↑](#footnote-ref-9)
10. Công văn số 30/UBND-TCKH ngày 05/01/2023 về hướng dẫn một số điểm tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; Công văn số 49/UBND-TCKH ngày 09/01/2023 về thực hiện và tăng cường quản lý kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2023… [↑](#footnote-ref-10)
11. Công văn số 1056/UBND-VP ngày 22/5/2023 về việc tiếp tục tăng cường, đẩy mạnh việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến; Công văn số 598/UBND-VP ngày 31/3/2023 về việc tiếp tục tăng cường triển khai thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết dịch vụ công trực tuyến; Công văn số 916/UBND-VP ngày 05/5/2023 về việc rà soát, đánh giá và hoàn thiện công tác giải quyết thủ tục hành chính; Công văn số 1085/UBND-VP ngày 24/5/2023 về việc nâng cao hiệu quả thực hiện công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện THHC trên môi trường điện tử; Công văn số 1098/UBND-VP ngày 25/5/2023 về việc tiếp tục triển khai Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của UBND tỉnh về việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết Thủ tục hành chính qua dịch vụ Bưu chính công ích. [↑](#footnote-ref-11)